TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226/2023/DS - PT

Ngày: 23/8/2023

V/v: "Tranh chấp về chia thừa kế tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

ông **Phạm Văn Hợp**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về chia thừa kế tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2923/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Tấn N; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N *là:* bà Đoàn Thị T; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, bà Huỳnh Thị Kim T1; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H*; bà* Huỳnh Thị Kim T1 *là*: Luật sư Phạm Ngọc Q - Công ty L1 - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G; địa chỉ: F T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Huỳnh Thị Kim H1; địa chỉ: Thôn D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Huỳnh Thị Kim H2; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Huỳnh Thị Kim H3; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Huỳnh Thị Kim Y; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: C T, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người kháng cáo:*** bị đơn là bà Nguyễn Thị H, bà Huỳnh Thị Kim T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Kim H1, bà Huỳnh Thị Kim H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Huỳnh M (chết năm 2006) kết hôn với bà Nguyễn Thị H sinh được 5 người con gồm: Huỳnh Thị Kim T1, Huỳnh Thị Kim H1, Huỳnh Thị Kim H2, Huỳnh Thị Kim H4 (chết khi còn nhỏ); Huỳnh Kim N1, sinh năm 1978 (chết năm 2017). Năm 1998 ông N1 kết hôn với bà Đoàn Thị T, sinh được 02 người con là Huỳnh Tấn N, sinh năm 2000 và Huỳnh Thị Kim Y, sinh năm 2002.

Khi còn sống ông M và bà H tạo lập được khối tài sản là 02 thửa đất gồm:

Thửa thứ nhất: thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34, diện tích 4.683m^2 tại thôn F (nay là thôn C), xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Nguồn gốc thửa đất này do ông bà H khai hoang từ năm 1985. Thửa đất này do ông M và ông N1 và bà T cùng 2 cháu sinh sống cho đến nay, khi còn sống ông M có nói để lại toàn bộ nhà đất ông N1 và bà T cùng 2 cháu ở.

Năm 2003 ông N1, bà T đã xây nhà khoảng 100m^2 trên thửa đất này để cả gia đình cùng sinh sống cùng ông M. Năm 2016 xây thêm nhà bếp và công trình phụ, trồng cây cối, sinh sống ổn định từ lâu nay nhưng ông M chưa kịp làm giấy tờ tặng cho, ông M chết năm 2006 không để lại di chúc. Năm 2007, bà Nguyễn Thị H đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà H. Năm 2017, ông Huỳnh Kim N1 chết, nhưng ông N1 chưa ký bất kỳ giấy tờ nào để bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất thứ hai: Diện tích khoảng hơn 2,5 sào, tại thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có tứ cận; phía Đông giáp đất ông Bùi Kim H5, phía tây giáp đất ông Đỗ M1, phía Nam giáp đường đi, phía bắc giáp nhà đất (không rõ họ tên).

Thừa đất này hiện tại bà Huỳnh Thị Kim T1 đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc thửa đất này là do ông M và bà H khai hoang từ khoảng năm 1960. Năm 2006, khi ông M chết thì đến năm 2007 bà T1 đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà T1 trong khi các chị em trong gia đình không có ai đồng ý tặng cho hay phân chia thửa đất này cho bà T1.

Nay, bà H đã lập di chúc để lại toàn bộ thửa đất mà gia đình tôi đang sinh sống cho bà Huỳnh Thị Kim T1. Vì vậy, mà sau khi ông Huỳnh Kim N1 chết thì bà Huỳnh Thị Kim T1 đã nhiều lần đến đuổi mẹ con chúng tôi ra khỏi nhà. (di chúc này chưa có hiệu lực, không hợp lệ vì tài sản chung của ông M và bà H).

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau.

-Yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là:

+Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226715, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00823 do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2007. Địa chỉ: Thôn F (N là thôn C), xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai,

+Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 32 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226566, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00836 do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2007. Địa chỉ: Thôn F (N là thôn C), xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

-Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226715 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-7-2007 cho bà Nguyễn Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226566 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-7-2007 cho bà Huỳnh Thị Kim T1.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Kim Y*, bà* Đoàn Thị T *có ý kiến thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn.*

3. *Bị đơn là bà* Nguyễn Thị H*; bà* Huỳnh Thị Kim T1 *trình bày:*

Cha mẹ bà T1 là ông Huỳnh M và bà Nguyễn Thị H sinh được 05 người con chung là: Huỳnh Thị Kim T1, Huỳnh Thị Kim H1, Huỳnh Thị Kim H2, Huỳnh Kim H4 (chết khi còn nhỏ) ông Huỳnh Kim N1 (chết năm 2017). Ngoài ra, còn có bà Huỳnh Thị Kim H3, hiện nay ở tại thôn C, xã N, huyện C là con riêng của ông Huỳnh M và bà Trần Thị L, hiện nay ở xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi là con riêng của bà H.

Về tài sản của cha mẹ bà T1 tạo lập như sau: Năm 1958 ông M, bà H có mua của ông Huỳnh Đ (hiện nay ông Đ đã chết và không có con cháu gì) 01 thửa đất tại thôn A, xã N, huyện C và có dựng căn nhà vách đất, lợp tranh để gia đình ở. Năm 1984, ông M bà H đến khai hoang thửa đất tại thôn F (nay là thôn C), xã N, huyện C và dựng căn nhà trên thửa đất đó, đưa con cái trong gia đình sang làm ăn sinh sống ở đó, hiện nay là thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34, tại thôn C (trước đây là thôn F) xã N, huyện C, diện tích 4.683m^2, có 400m^2 đất ở.

Năm 1986, ông M, bà H tặng cho bà T1 thửa đất mua của ông Huỳnh Đ tại thôn A, xã N, năm 2002, bà T1 xây dựng lại căn nhà trên thửa đất này. Năm 2007, bà T1 làm giấy CNQSD đất đứng tên bà T1, hiện nay là Thửa đất số 77, tờ

bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã N, diện tích 3.512m, có 400m^2 đất ở nông thôn. Thửa đất này khi cha bà T1 là ông Huỳnh M còn sống đã thống nhất cho bà T1 và bà T1 đã bỏ tiền, công sức ra để xây nhà từ năm 2002 và sử dụng cho đến nay, các chị em trong gia đình không ai có ý kiến gì

Tài sản chung của cha mẹ bà T1 là ông Huỳnh M và bà Nguyễn Thị H hiện nay gồm có: 01 thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34, tại thôn C (trước đây là thôn F) xã N, huyện C, diện tích 4.683m^2, có 400m^2 đất ở hiện nay bà H đang sử dụng và 01 thửa đất trồng cây lâu năm với diện tích khoảng 9.000m^2, trên đất có trồng khoảng 800 cây Cà phê, xung quanh trồng cây Bời lời, tại thôn C, xã N, huyện C, hiện nay đã cấp Giấy CNQSD đất tên Huỳnh Kim N1 nhưng từ khi ông N1 chết năm 2017 thì hiện nay đứng tên ai bà T1 không rõ.

Bị đơn đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34, diện tích 4.683m2, tại thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Kim H1*,* Huỳnh Thị Kim H2*, bà* Huỳnh Thị Kim H3 *trình bày như sau:*

Chúng tôi đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34, diện tích 4.683m^2, tại thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Vì Thửa đất này là tài sản chung của ông M và bà H, ông M chết không để lại di chúc nên 1/2 thửa đất và tài sản gắn liền với đất sẽ là tài sản chung của các đồng thừa kế gồm: vợ và 05 người con nên sẽ phải chia đều cho 6 người gồm: cụ Nguyễn Thị H và 05 người con là: bà T1, bà H1, bà H2, ông N1 (ông N1 đã chết nên bà T và con sẽ được nhận kỷ phần này) và bà H3. Hiện tại thửa đất này và nhà ở trên đất, bà H và các chị em của bà chỉ tạm thời giao cho gia đình nguyên đơn sử dụng để sinh sống cho đến khi cụ H chết.

Việc bà H lập di chúc để lại cho bà T1 toàn bộ phần tài sản của bà trong khối tài sản chung với ông M và phần hưởng thừa kế của ông M là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, di chúc này chưa có hiệu lực pháp luật và có thể sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ nên không liên quan đến vụ án tranh chấp.

Chúng tôi không đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn về việc chia thừa kế thửa đất số 77, tờ bản đồ số 32, diện tích 3.512 m^2, tọa lạc tại thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Bởi vì, thửa đất này bà T1 đã được cha mẹ tặng cho từ năm 1986 (khí ông M vẫn còn sống), việc tặng cho này các chị em trong gia đình đều biết và không ai có ý kiến gì. Từ khi nhận tặng cho đất đến nay, bà T1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất, đã xây dựng nhà ở kiên cố trên đất, đồng thời nhận chuyển nhượng thêm một phần đất của người khác để có được diện tích đất như ngày nay.

Sau nhiều lần cấp đổi Giấy chứng nhận thì đến ngày 18/7/2007, UBND huyện C đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AK 226566 đối với thửa đất số 77, tờ

bản đồ số 32, diện tích 3.512m^2, tại thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai cho bà T1. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện C *trình bày như sau:*

-Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226715, số vào sổ H 00823 tại tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34, diện tích 4.683m^2 (gồm có 400m^2 đất ở và 4,283m^2 đất trồng cây lâu năm) cho bà Nguyễn Thị H:

Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất của bà Nguyễn Thị H đang lưu trữ thì năm 2007, bà Nguyễn Thị H6 (thường trú tại Thôn A, xã N) kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức tập trung tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34, diện tích 4.683m^2 (gồm có 400m^2 đất ở và 4,283m^2 đất trồng cây lâu năm) có nguồn gốc là đất được UBND xã N cấp năm 1985. Hồ sơ được UBND xã N xác nhận ngày 06/5/2007 với nội dung: Nguồn gốc được UBND xã cấp, sử dụng năm 1985, không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch khu dân cư, Biên bản thẩm tra đã được chủ sử dụng đất liền kề ký xác nhận không tranh chấp và đã được UBND xã N thực hiện công khai theo quy định, bà Nguyễn Thị H đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226715, số vào sổ H 00823 tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34, diện tích 4.683m^2 (gồm có 400m^2 đất ở và 4,283m^2 đất trồng cây lâu năm) theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 18/7/2007.

Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AK 226715, số vào sổ H 00823 tại tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34, diện tích 4.683m^2 (gồm có 400m^2 đất ở và 4,283m^2 đất trồng cây lâu năm) cho bà Nguyễn Thị H là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226566, số vào sổ H 00836 tại tại thửa đất 77, tờ bản đồ số 32, diện tích 3.512m^2 (gồm có 400m^2 đất ở và 3.112m^2 đất trồng cây lâu năm) cho bà Huỳnh Thị Kim T1:

Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất của ông Huỳnh Thị Kim T1 đang lưu trữ thì năm 2007, bà Huỳnh Thị Kim T1 (thường trú tại Thôn A, xã N) kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức tập trung tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 32, diện tích 3.512m^2 (gồm có 400m^2 đất ở và 3.112m^2 đất trồng cây lâu năm) có nguồn gốc là đất bố mẹ (là bà Nguyễn Thị H) khai hoang và sử dụng từ năm 1958 đến năm 1987 tặng cho bà Huỳnh Thị Kim T1 (có Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất được Ủy ban nhân dân xã N ký xác nhận năm 2007, có con ruột là bà Huỳnh Kim N1 cùng ký xác nhận vào Đơn); Hồ sơ được UBND xã N xác nhận ngày 05/5/2007 với nội dung: Nguồn gốc bố mẹ cho con, sử dụng năm 1987, không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch khu dân cư, Biên bản thẩm tra đã được chủ sử dụng đất liền kề ký xác nhận không tranh chấp và đã được UBND xã N thực hiện công khai theo quy định, bà Huỳnh Thị Kim T1 đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226566, số vào sổ H 00836 tại tại thửa đất 77, tờ bản đồ số 32, diện tích tích 3.512m^2 (gồm có 400m^2 đất ở và 3.112m^2 đất trồng cây lâu năm) theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 18/7/2007.

Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AK 226566, số vào sổ H 00836 tại tại thửa đất 77, tờ bản đồ số 32, diện tích 3.512m^2 (gồm có 400m^2 đất ở và 3.112m^2 đất trồng cây lâu năm) cho bà Huỳnh Thị Kim T1 là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 235, khoản 2 Điều 244 khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 157, Điều 165, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 9 tháng 1 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh G.

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 32 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226566, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00836 do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2007. Địa chỉ: Thôn F (N là thôn C), xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226566 do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2007 cho bà Huỳnh Thị Kim T1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản là Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226715, do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2007 cho bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Thôn F (N là thôn C), xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- Phần đất mà bà Nguyễn Thị H được chia thừa kế có diện tích 2.025,7m^2 đất (trong đó có 200m^2 đất ở), có vị trí, tứ cận như sau:

+Phía Đông giáp thửa đất 34 (đất nhà ông H7) dài 74.28m

+Phía Tây giáp thửa đất chia cho ông N1 (bà T, anh N, chị Y nhận) dài 65,19m.

+Phía Nam giáp đường bê tông dài 28m

+Phía Bắc giáp thửa 35 (đất ông V) gài 13,01m + 11,80m và giáp thửa đất số 36 (đất bà L) dài 8.16m.

Trên đất có:

+ 01 cây sầu riêng kinh doanh 5 đến 20 năm;

+12 cây bời lời tái sinh từ 4 đến 5 năm;

+ 03 cây chè từ 6 đến 20 năm.

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

-Phần đất mà bà Đoàn Thị T, anh Huỳnh Tấn N, chị Huỳnh Thị Kim Y được chia thừa kế có diện tích 2.403,1m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở), có vị trí tứ cận như sau:

+Phía Đông giáp thửa đất chia cho bà H dài 65,19m

+Phía Tây giáp đường đất dài là 23,7m + 11,64m + 17,2m

+Phía Nam giáp đường bê tông dài 36,13m

+Phía Bắc giáp đường đất có chiều dài 11,59m + 14,16m và giáp thửa 35 có chiều dài là 17,12m

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Trên đất có

+ Nhà ở 1 tầng: móng xây đá, tường xây gạch, nền láng xi măng, tường trát vữa, sơn nước không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn có diện tích 88m^2

+ Nhà vệ sinh tường xây gạch, nền láng xi măng diện tích là 7m^2.

+ Chuồng heo, gà tường xây gạch dày 10cm, nền láng xi măng, mái lợp tôn, diện tích 31m^2.

+ Mái hiên: mái che khung thép hình, cột thép đường kính phi 50mm, mái lợp tôn diện tích 22m^2

+ Giếng nước đường kính 1m sâu 22 m

+ Giếng thấm, hầm rút được xây bằng gạch sâu 7m.

+ 01 bụi chuối có từ 8 cây trở lên.

+ 01 cây vú sữa kinh doanh từ 1 đến 26 năm.

+ 01 cây bơ kinh doanh từ 6 đến 16 năm.

- Bà Đoàn Thị T, anh Huỳnh Tấn N, chị Huỳnh Thị Kim Y phải thanh toán lại lại cho bà Huỳnh Thị Kim T1, Huỳnh Thị Kim H1, Huỳnh Thị Kim H2, Huỳnh Thị Kim H3 mỗi người 35.967.080 đồng.

- Bà Đoàn Thị T, anh Huỳnh Tấn N, chị Huỳnh Thị Kim Y phải thanh toán lại lại cho bà Nguyễn Thị H 49.642.850 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226715 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-7-2007 cho bà Nguyễn Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/7/2023 bị đơn là bà Nguyễn Thị H, bà Huỳnh Thị Kim T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Kim H1, bà Huỳnh Thị Kim H2 kháng cáo toàn bộ nội dụng vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị H, bà Huỳnh Thị Kim T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Kim H1, bà Huỳnh Thị Kim H2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Huỳnh Tấn N khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị H, bà Huỳnh Thị Kim T1 về việc chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định khoản Điều 28, Điều 34, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dụng. Xác định hàng thừa kế: Ông Huỳnh M (chết năm 2006) và bà Nguyễn Thị H có 5 người con chung gồm: Huỳnh Thị Kim T1, Huỳnh Thị Kim H1, Huỳnh Thị Kim H2, Huỳnh Thị Kim H4 (chết khi còn nhỏ); Huỳnh Kim N1 (chết năm 2017). Năm 1998 ông N1 kết hôn với bà Đoàn Thị T, sinh được 02 người con là Huỳnh Tấn N, sinh năm 2000 và Huỳnh Thị Kim Y, sinh năm 2002. Ông M có một người con riêng là bà Huỳnh Thị Kim H3. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh M là: Bà Nguyễn Thị H; bà Huỳnh Thị Kim T1, bà Huỳnh Thị Kim H1, bà Huỳnh Thị Kim H2, bà Huỳnh Thị Kim H3, ông Huỳnh Kim N1 (vợ là bà Đoàn Thị T, anh Huỳnh Tấn N, chị Huỳnh Thị Kim Y nhận phần di sản để lại cho ông N1) là có căn cứ.

[3] Xét toàn bộ kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị H, bà Huỳnh Thị Kim T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Kim H1, bà Huỳnh Thị Kim H2 thì thấy: Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa các đương sự đều xác định thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226715 do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2007 cho bà Nguyễn Thị H tại địa chỉ thôn F (nay là thôn C), xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai là di

sản ông M chết để lại chưa chia và đồng ý chia thừa kế đối với thửa đất nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về phương thức chia di sản thừa kế, HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Việc chia di sản phải căn cứ vào tình hình thực tế của việc sử dụng tài sản trên đất, vị trí, công trình xây dựng, cây trồng trên đất, diện tích tối thiểu để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất và công sức quản lý, giữ gìn di sản. Sau khi tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ, xác minh thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ về nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành giao diện tích 2.025,7m^2 đất cho bà Nguyễn Thị H và giao diện tích 2.403,1m^2 bà Đoàn Thị T, anh Huỳnh Tấn N, chị Huỳnh Thị Kim Y là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Ngoài ra; tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 618 của Bộ luật Dân sự xem xét đến quyền lợi bà T, anh N, chị Y là người quản lý, giữ gìn di sản nên bà T, anh N, Chị Y được hưởng một khoản tiền hợp lý trong việc quản lý di sản. Xét công trình, kiến trúc trên đất trước đây vợ chồng bà T, ông N1 cũng có công sức đóng góp, xây dựng; hiện căn nhà giá trị thực tế còn lại chỉ còn 10% tương đương với số tiền 30.981.100 đồng. Tòa án khi chia di sản sẽ trừ phần căn nhà ra được xem như là trả vào công sức quản lý của bà T, anh N, chị Y.

- Vậy, bà T, anh N, chị Y phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim T1, Huỳnh Thị Kim H1, Huỳnh Thị Kim H2, Huỳnh Thị Kim H3 mỗi người 35.967.080 đồng (431.604.960 đồng : 2 = 215.802.408 đồng) (215.802.408 đồng : 6 phần = 35.967.080 đồng).

- Bà T, anh N, chị Y phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền:

215.802.408 đồng + 35.967.080 đồng - 198.734.565 đồng - 3.392.073 đồng = 49.642.850 đồng.

(+ 2.025,7m2 đất mà bà H *được hưởng có giá là: 198.734.565 đồng (200m^2 x 168.000 đồng + 1.825,7m2 x 90.450 đồng)*

Tại phiên tòa các đương sự đều xác định cây trồng hiện còn trên đất là do bà T *trồng. Do đó, bà* H *phải có nghĩa vụ thối tiền cây trên đất được nhận lại cho bà* T*, anh* N*, chị* Y.

+ Tổng giá trị cây trồng trên đất mà bà H *được chia: 3.392.073 đồng).*

[6] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị H thì thấy rằng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét thấy; tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ và đánh giá khách quan các tình tiết và tài liệu có tại hồ sơ vụ án và áp dụng đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H, bà Huỳnh Thị Kim T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Kim H1, bà Huỳnh Thị Kim H2 không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi (82 tuổi) có đơn xin miễn án phí nên được miễn. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 12.418.870 đồng và án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự còn lại bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Kim H1, bà Huỳnh Thị Kim H2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị H, bà Huỳnh Thị Kim T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Kim H1, bà Huỳnh Thị Kim H2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Áp dụng: các Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự 2015; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 9 tháng 1 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh G; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 32 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226566, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00836 do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2007. Địa chỉ: Thôn F (N là thôn C), xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226566 do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2007 cho bà Huỳnh Thị Kim T1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản là Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226715, do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2007 cho bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Thôn F (N là thôn C), xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- Phần đất mà bà Nguyễn Thị H được chia thừa kế có diện tích 2.025,7m^2 đất (trong đó có 200m^2 đất ở), có vị trí, tứ cận như sau:

+Phía Đông giáp thửa đất 34 (đất nhà ông H7) dài 74.28m

+Phía Tây giáp thửa đất chia cho ông N1 (bà T, anh N, chị Y nhận) dài 65,19m.

+Phía Nam giáp đường bê tông dài 28m

+Phía Bắc giáp thửa 35 (đất ông V) gài 13,01m + 11,80m và giáp thửa đất số 36 (đất bà L) dài 8.16m.

Trên đất có:

+ 01 cây sầu riêng kinh doanh 5 đến 20 năm;

+12 cây bời lời tái sinh từ 4 đến 5 năm;

+ 03 cây chè từ 6 đến 20 năm.

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

- Phần đất mà bà Đoàn Thị T, anh Huỳnh Tấn N, chị Huỳnh Thị Kim Y được chia thừa kế có diện tích 2.403,1m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở), có vị trí tứ cận như sau:

+Phía Đông giáp thửa đất chia cho bà H dài 65,19m

+Phía Tây giáp đường đất dài là 23,7m + 11,64m + 17,2m

+Phía Nam giáp đường bê tông dài 36,13m

+Phía Bắc giáp đường đất có chiều dài 11,59m + 14,16m và giáp thửa 35 có chiều dài là 17,12m

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Trên đất có

+ Nhà ở 1 tầng: móng xây đá, tường xây gạch, nền láng xi măng, tường trát vữa, sơn nước không có sênô mặt trước, mái lợp tôn có diện tích 88m^2

+ Nhà vệ sinh tường xây gạch, nền láng xi măng diện tích là 7m^2.

+ Chuồng heo, gà tường xây gạch dày 10cm, nền láng xi măng, mái lợp tôn, diện tích 31m^2.

+Mái hiên: mái che khung thép hình, cột thép đường kính phi 50mm, mái lợp tôn diện tích 22m^2

+Giếng nước đường kính 1m sâu 22 m

+Giếng thấm, hầm rút được xây bằng gạch sâu 7m.

+ 01 bụi chuối có từ 8 cây trở lên.

+ 01 cây vú sữa kinh doanh từ 1 đến 26 năm.

+ 01 cây bơ kinh doanh từ 6 đến 16 năm.

- Bà Đoàn Thị T, anh Huỳnh Tấn N, chị Huỳnh Thị Kim Y phải thanh toán lại lại cho bà Huỳnh Thị Kim T1, Huỳnh Thị Kim H1, Huỳnh Thị Kim H2, Huỳnh Thị Kim H3 mỗi người 35.967.080 đồng.

- Bà Đoàn Thị T, anh Huỳnh Tấn N, chị Huỳnh Thị Kim Y phải thanh toán lại lại cho bà Nguyễn Thị H 49.642.850 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 226715 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-7-2007 cho bà Nguyễn Thị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi (82 tuổi) có đơn xin miễn án phí nên được miễn. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 12.418.870 đồng và án phí dân sự phúc thẩm.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim H1, bà Huỳnh Thị Kim H2, phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai thu số 0000274, 0000273, 0000275 cùng ngày 10/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bà T1, bà H1, bà H2 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn